

## **DỰ BÁO TỶ TRỌNG CỔ PHIẾU THÀNH PHẦN CỦA CÁC RỔ CHỈ SỐ HOSE-Index, VNFINLEAD KỲ THÁNG 01/2023**

- **Thời gian thực hiện:**

- Ngày chốt dữ liệu: 30/12/2022
- Ngày công bố thông tin: 16/01/2023
- Ngày danh mục mới có hiệu lực: 06/02/2023

→ **Chỉ số VN30**

- Trong kỳ review lần này, theo tính toán của BVSC, cổ phiếu **BCM** nhiều khả năng sẽ được thêm vào **rổ chỉ số VN30 trong kỳ 1/2023** do cổ phiếu này đã đáp ứng đủ các điều kiện về thanh khoản, tỷ lệ cổ phiếu chuyển nhượng tự do và vốn hóa lọt top 20 cổ phiếu có vốn hóa trung bình lớn nhất sàn HOSE.
- Ở chiều ngược lại, BVSC cho rằng cổ phiếu **KDH** nhiều khả năng sẽ là **cổ phiếu bị loại ra khỏi rổ chỉ số VN30** do vốn hóa trung bình của cổ phiếu này đang thấp nhất trong rổ VN30.

**Thay đổi dự kiến tỷ trọng các cổ phiếu thành phần trong danh mục quỹ ETF DCVFMVN30.** Hiện nay, 4 quỹ ETF đang xây dựng danh mục dựa trên chỉ số tham chiếu VN30 là: quỹ **DCVFMVN30**, quỹ **SSIAM VN30**, quỹ **MAFM VN30** và quỹ **KIM GROWTH VN30**. Các quỹ ETFs này sẽ phải hoàn tất việc tái cơ cấu danh mục của mình vào ngày 03/02/2023. Trong 4 quỹ này, quỹ **DCVFMVN30** có giá trị tài sản ròng lớn nhất, xấp xỉ 7,6 nghìn tỷ đồng. Theo ước tính của BVSC dựa trên dữ liệu ngày 04/01/2023, quỹ **DCVFMVN30** sẽ phải thực hiện các thay đổi như dưới đây trong kỳ tái cơ cấu danh mục tháng 01/2023:

- Theo đó, quỹ **ETF DCVFMVN30** sẽ phải thực hiện bán ra toàn bộ 3,4 triệu cổ phiếu KDH tương ứng 1,25% tỷ trọng danh mục. Ngược lại, quỹ sẽ thực hiện mua vào khoảng 320 nghìn cổ phiếu BCM (tương ứng tỷ trọng 0,35%). Ngoài ra, tỷ trọng của một số cổ phiếu khác trong danh mục như FPT, MSN, VRE... cũng bị thay đổi đáng kể trong kỳ tái cơ cấu danh mục lần này.
- Dưới đây là dự báo tỷ trọng danh mục mới của quỹ **ETF DCVFMVN30** dựa trên dữ liệu giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 04/01/2023:

STT	Cổ phiếu	Tên công ty	Giá	Tỷ trọng trước review	Tỷ trọng sau review	Thay đổi	Khối lượng mua/bán	Giá trị mua/bán
1	VPB	VPBank	18.900	8,13%	8,39%	0,26%	1.031.307	19.491.701.799
2	FPT	FPT Corp	80.000	7,15%	7,59%	0,44%	414.140	33.131.238.429
3	VNM	VINAMILK	79.300	6,65%	6,74%	0,09%	87.426	6.932.892.789
4	ACB	Ngân hàng Á Châu	22.650	6,46%	6,61%	0,15%	510.683	11.566.962.136
5	MSN	Tập đoàn Masan	99.300	6,10%	6,47%	0,37%	282.802	28.082.194.748
6	TCB	Techcombank	27.300	6,10%	6,35%	0,25%	687.061	18.756.764.850
7	HPG	Hòa Phát	19.400	6,07%	6,31%	0,24%	937.099	18.179.729.899
8	VIC	VinGroup	56.000	5,32%	5,43%	0,11%	148.815	8.333.618.719
9	VHM	Vinhomes	49.000	5,20%	5,42%	0,22%	347.802	17.042.288.397
10	MWG	Thế giới di động	43.500	4,62%	4,85%	0,23%	410.527	17.857.942.546
11	MBB	MBBank	17.950	4,41%	4,55%	0,14%	600.313	10.775.616.347
12	VCB	Vietcombank	82.800	4,16%	4,38%	0,22%	204.915	16.966.940.763
13	STB	Sacombank	23.300	4,30%	4,24%	-0,06%	(185.062)	(4.311.942.912)
14	VJC	Vietjet Air	110.400	3,09%	3,04%	-0,05%	(34.364)	(3.793.788.724)
15	HDB	HDBank	16.350	2,83%	2,93%	0,10%	452.494	7.398.271.260
16	VIB	VIBBank	19.900	2,22%	2,35%	0,13%	480.647	9.564.866.665
17	CTG	VietinBank	28.500	2,07%	2,09%	0,02%	50.999	1.453.465.991
18	SSI	Chứng khoán SSI	19.000	1,91%	2,01%	0,10%	416.158	7.907.008.306
19	VRE	Vincom Retail	28.600	2,56%	1,98%	-0,58%	(1.535.712)	(43.921.377.406)
20	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	22.000	1,84%	1,95%	0,11%	367.174	8.077.828.406
21	SAB	SABECO	171.500	0,96%	1,23%	0,27%	119.823	20.549.656.813
22	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	14.000	1,10%	1,11%	0,01%	56.923	796.918.842
23	GAS	PV Gas	105.000	1,17%	1,02%	-0,15%	(107.372)	(11.274.053.731)
24	BID	BIDV	40.800	0,91%	0,84%	-0,07%	(131.471)	(5.364.020.270)
25	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	11.000	0,49%	0,52%	0,03%	234.410	2.578.505.835
26	PDR	BDS Phát Đạt	15.000	0,42%	0,41%	-0,01%	(51.797)	(776.962.083)
27	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	47.700	0,27%	0,36%	0,09%	143.603	6.849.857.488
28	BCM	Becamex IDC	84.000	0,00%	0,35%	0,35%	320.194	26.896.284.740
29	GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	14.850	0,25%	0,24%	-0,01%	(42.985)	(638.323.961)
30	PLX	Petrolimex	35.250	0,39%	0,23%	-0,16%	(350.153)	(12.342.877.830)
31	KDH	Nhà Khang Điền	27.850	1,25%	0,00%	-1,25%	(3.413.764)	(95.073.337.215)

➔ **Chỉ số VNMIDCAP**

- Trong kỳ review lần này, theo tính toán của BVSC, các cổ phiếu **KDH, HAG, FRT, CTR, VIX và FTS** **hiều khả năng sẽ được thêm vào rổ chỉ số VNMIDCAP trong kỳ 1/2023** do các cổ phiếu này đã đáp ứng đủ các điều kiện về thanh khoản, tỷ lệ cổ phiếu chuyển nhượng tự do và vốn hóa của rổ VNMIDCAP.
- Ở chiều ngược lại, BVSC cho rằng các cổ phiếu **AGG, BMI, BWE, IMP, ITA và TMS** **hiều khả năng sẽ bị loại ra khỏi rổ chỉ số.**

**Thay đổi dự kiến tỷ trọng các cổ phiếu thành phần trong danh mục quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP.** Hiện nay, quỹ ETF DCVFM VNMIDCAP đang xây dựng danh mục dựa trên chỉ số tham chiếu VNMIDCAP. Với những thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số VNMIDCAP như trên thì quỹ ETF này sẽ phải hoàn tất việc tái cơ cấu danh mục của mình vào ngày 03/02/2023. Quỹ ETF DCVFM VNMIDCAP đang có giá trị tài sản ròng gần 77 tỷ đồng. Theo ước tính của BVSC dựa trên dữ liệu ngày 04/01/2023, quỹ ETF DCVFM VNMIDCAP sẽ phải thực hiện các thay đổi như dưới đây trong kỳ tái cơ cấu danh mục tháng 01/2023:

- Theo đó, quỹ **ETF DCVFM VNMIDCAP** sẽ phải thực hiện bán ra toàn bộ số cổ phiếu AGG, BMI, BWE, IMP, ITA và TMS đang nắm giữ. Ngược lại, quỹ sẽ thực hiện mua vào khoảng 81 nghìn cổ phiếu KDH, 105 nghìn cổ phiếu HAG, 10,3 nghìn cổ phiếu FRT, 76 nghìn cổ phiếu VIX, 19 nghìn cổ phiếu FTS và 7 nghìn cổ phiếu CTR. Ngoài ra, tỷ trọng của một số cổ phiếu khác trong danh mục cũng có sự thay đổi đáng kể trong kỳ tái cơ cấu danh mục lần này.
- Dưới đây là dự báo tỷ trọng danh mục mới của quỹ **ETF DCVFMVNMIDCAP** dựa trên dữ liệu giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 04/01/2023:

Cổ phiếu	Tên công ty	Giá	Tỷ trọng trước review	Tỷ trọng sau review	Thay đổi	Khối lượng mua/bán	Giá trị mua/bán
SSB	SeABank	33.500	12,01%	12,48%	0,47%	10.677	357.665.204
SHB	SHB	10.300	6,52%	5,77%	-0,75%	(55.978)	(576.574.321)
EIB	Eximbank	27.150	2,92%	5,71%	2,79%	78.715	2.137.108.329
PNJ	Vàng Phú Nhuận	89.000	5,32%	5,66%	0,34%	2.942	261.836.433
MSB	MSB Bank	12.750	5,64%	5,24%	-0,40%	(24.193)	(308.463.169)
LPB	LienViet Post Bank	13.500	5,00%	4,53%	-0,47%	(26.779)	(361.519.487)
DGC	Hóa chất Đức Giang	60.200	3,60%	3,13%	-0,47%	(5.972)	(359.531.613)
OCB	Ngân hàng Phương Đông	18.000	3,44%	3,09%	-0,35%	(14.683)	(264.285.113)
VND	Chứng khoán VNDIRECT	14.350	3,43%	2,99%	-0,44%	(23.421)	(336.095.645)
KDH	Nhà Khang Điền	27.850	0,00%	2,96%	2,96%	81.367	2.266.074.556
GMD	Gemadep	46.000	3,30%	2,85%	-0,45%	(7.534)	(346.582.419)
REE	Cơ Điện Lạnh REE	73.100	2,62%	2,67%	0,05%	500	36.540.526
KBC	TCT Đô thị Kinh Bắc	26.000	3,11%	2,50%	-0,61%	(17.814)	(463.175.268)
KDC	Tập đoàn KIDO	65.000	2,33%	2,10%	-0,23%	(2.727)	(177.264.755)
NLG	BDS Nam Long	31.000	1,85%	1,63%	-0,22%	(5.427)	(168.243.947)
VCI	Chứng khoán Bảo Việt	25.200	2,11%	1,63%	-0,48%	(14.644)	(369.036.010)
DPM	Đạm Phú Mỹ	45.000	2,15%	1,61%	-0,54%	(9.228)	(415.272.081)
GEX	Tập đoàn Gelex	13.150	1,73%	1,53%	-0,20%	(11.462)	(150.730.526)
VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	71.300	1,70%	1,49%	-0,21%	(2.235)	(159.364.791)
DXG	Địa ốc Đất Xanh	13.500	1,61%	1,41%	-0,20%	(11.370)	(153.498.766)
VPI	Đầu tư Văn Phú - Invest	53.500	1,28%	1,33%	0,05%	707	37.851.061
HSG	Tập đoàn Hoa Sen	12.650	1,51%	1,29%	-0,22%	(13.022)	(164.725.552)
HAG	Hoàng Anh Gia Lai	9.020	0,00%	1,24%	1,24%	105.269	949.524.391

Cổ phiếu	Tên công ty	Giá	Tỷ trọng trước review	Tỷ trọng sau review	Thay đổi	Khối lượng mua/bán	Giá trị mua/bán
PVD	Khoan Dầu khí PVDDrilling	19.150	1,37%	1,21%	-0,16%	(6.212)	(118.966.970)
HCM	Chứng khoán TP.HCM	21.750	1,30%	1,13%	-0,17%	(5.820)	(126.582.086)
DIG	DIC Corp	15.700	1,50%	0,98%	-0,52%	(25.192)	(395.520.204)
SBT	Mía đường Thành Thành Công - I	14.000	1,00%	0,97%	-0,03%	(1.762)	(24.666.325)
FRT	Bán lẻ FPT	69.400	0,00%	0,94%	0,94%	10.344	717.904.444
PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	22.500	0,81%	0,83%	0,02%	709	15.958.375
DCM	Đạm Cà Mau	27.400	0,98%	0,83%	-0,15%	(4.259)	(116.705.412)
DGW	Thế Giới Số	40.100	0,96%	0,82%	-0,14%	(2.658)	(106.596.734)
VCG	VINACONEX	18.250	0,87%	0,81%	-0,06%	(2.543)	(46.400.967)
PC1	Tập đoàn PC1	22.350	0,80%	0,76%	-0,04%	(1.419)	(31.707.918)
CII	Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	13.850	0,83%	0,72%	-0,11%	(6.221)	(86.160.915)
HDG	Tập đoàn Hà Đô	32.000	0,76%	0,71%	-0,05%	(1.089)	(34.859.783)
VIX	Chứng khoán VIX	6.960	0,00%	0,69%	0,69%	76.244	530.660.573
TCH	ĐT DV Tài chính Hoàng Huy	7.100	0,76%	0,65%	-0,11%	(11.904)	(84.516.941)
HNG	Nông nghiệp Quốc tế HAGL	4.320	0,00%	0,60%	0,60%	106.473	459.962.842
NT2	Điện lực Nhơn Trạch 2	30.450	0,73%	0,60%	-0,13%	(3.265)	(99.427.206)
CMG	Tập đoàn Công nghệ CMC	41.100	0,49%	0,56%	0,07%	1.396	57.357.940
SCS	DV Hàng hóa Sài Gòn	73.200	0,00%	0,55%	0,55%	5.738	420.017.998
SAM	SAM Holdings	6.170	0,59%	0,53%	-0,06%	(6.827)	(42.124.209)
PAN	Tập đoàn PAN	15.850	0,57%	0,53%	-0,04%	(1.986)	(31.476.189)
NKG	Thép Nam Kim	13.350	0,64%	0,52%	-0,12%	(6.803)	(90.825.627)
BMP	Nhựa Bình Minh	60.800	0,73%	0,51%	-0,22%	(2.756)	(167.538.615)
DBC	Tập đoàn DABACO	15.150	0,72%	0,50%	-0,22%	(11.014)	(166.856.694)
FTS	Chứng khoán FPT	20.150	0,00%	0,49%	0,49%	18.735	377.507.271
CTR	Công trình Viettel	52.900	0,00%	0,48%	0,48%	6.991	369.841.463
BCG	Bamboo Capital	6.840	0,49%	0,46%	-0,03%	(3.586)	(24.525.035)
PHR	Cao su Phước Hòa	41.400	0,49%	0,45%	-0,04%	(776)	(32.125.281)
HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	9.610	0,46%	0,42%	-0,04%	(3.122)	(29.998.045)
SJS	SUDICO	44.600	0,53%	0,41%	-0,12%	(2.133)	(95.120.905)
SCR	Sacomreal	5.820	0,49%	0,39%	-0,10%	(12.611)	(73.393.844)
DHC	Đông Hải Bến Tre	32.700	0,39%	0,39%	0,00%	9	308.808
KOS	Công ty KOSY	38.650	0,00%	0,38%	0,38%	7.561	292.226.393
VGC	Tổng Công ty Viglacera	36.000	0,43%	0,37%	-0,06%	(1.311)	(47.210.380)
CRE	Bất động sản Thế Kỳ	9.900	0,35%	0,37%	0,02%	1.285	12.717.932
VSH	Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	32.500	0,39%	0,35%	-0,04%	(932)	(30.305.895)
PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	43.000	0,51%	0,33%	-0,18%	(3.136)	(134.843.566)
GEG	Điện Gia Lai	15.000	0,36%	0,33%	-0,03%	(1.501)	(22.514.230)
CTD	Xây dựng Coteccons	35.200	0,42%	0,33%	-0,09%	(2.037)	(71.714.016)
ASM	Tập đoàn Sao Mai	8.410	0,40%	0,32%	-0,08%	(7.015)	(58.997.038)
AAA	An Phát Bioplastics	7.110	0,34%	0,31%	-0,03%	(3.218)	(22.878.081)
DXS	Dịch vụ BĐS Đất Xanh	6.750	0,32%	0,28%	-0,04%	(4.629)	(31.244.378)
SZC	Sonadezi Châu Đức	28.700	0,34%	0,26%	-0,08%	(2.081)	(59.722.592)
PPC	Nhiệt điện Phả Lại	13.100	0,00%	0,24%	0,24%	13.997	183.363.121
APH	Tập đoàn An Phát Holdings	7.250	0,26%	0,22%	-0,04%	(4.021)	(29.149.122)
ANV	Thủy sản Nam Việt	25.000	0,00%	0,22%	0,22%	6.660	166.502.798
HT1	VICEM Hà Tiên	11.400	0,00%	0,20%	0,20%	13.327	151.932.686
HPX	Đầu tư Hải Phát	4.750	0,23%	0,18%	-0,05%	(7.842)	(37.248.118)
AGG	Bất động sản An Gia	29.750	0,36%	0,00%	-0,36%	(9.261)	(275.503.891)
BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	49.200	0,59%	0,00%	-0,59%	(9.177)	(451.520.265)

➔ **Chỉ số VNFIN LEAD**

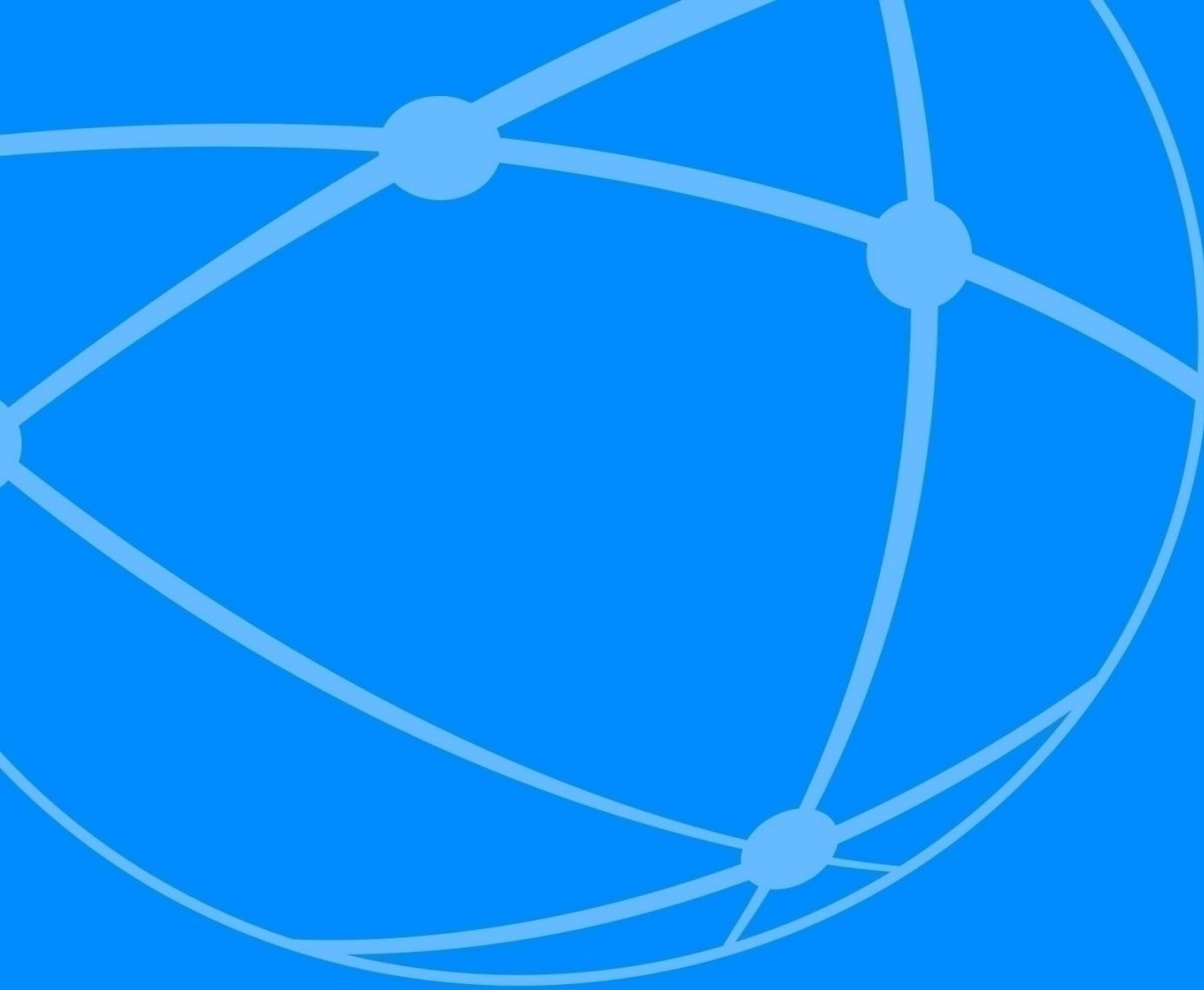
- Trong kỳ cơ cấu lần này, theo tính toán của BVSC, **không khả năng sẽ không có cổ phiếu nào bị loại ra cũng như thêm vào rổ chỉ số VNFINLEAD.**

**Thay đổi dự kiến tỷ trọng các cổ phiếu thành phần trong danh mục quỹ ETF SSIAM VNFINLEAD.** Hiện nay, quỹ ETF SSIAM VNFINLEAD đang xây dựng danh mục dựa trên chỉ số tham chiếu VNFINLEAD. Với những thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số VNFINLEAD như trên thì quỹ ETF này sẽ phải hoàn tất việc tái cơ cấu danh mục của mình vào ngày 03/02/2023. Quỹ ETF SSIAM VNFINLEAD đang có giá trị tài sản ròng 3,4 nghìn tỷ đồng. Theo ước tính của BVSC dựa trên dữ liệu ngày 04/01/2023, quỹ ETF SSIAM VNFINLEAD sẽ phải thực hiện các thay đổi như dưới đây trong kỳ tái cơ cấu danh mục tháng 01/2023:

- Dưới đây là dự báo tỷ trọng danh mục mới của quỹ ETF SSIAM VNFINLEAD dựa trên dữ liệu giá đóng cửa phiên giao dịch ngày 04/01/2023:

STT	Cổ phiếu	Tên công ty	Giá	Tỷ trọng trước review	Tỷ trọng sau review	Thay đổi	Khối lượng mua/bán	Giá trị mua/bán
1	VPB	VPBank	18900	15,70%	15,00%	-0,70%	(1.266.576)	(23.938.287.100)
2	TCB	Techcombank	27300	14,30%	15,00%	0,70%	876.860	23.938.287.100
3	STB	Sacombank	23300	14,50%	15,00%	0,50%	733.853	17.098.776.500
4	MBB	MBBank	17950	10,20%	11,12%	0,92%	1.749.370	31.401.184.772
5	ACB	Ngân hàng Á Châu	22650	7,00%	6,71%	-0,29%	(433.906)	(9.827.978.338)
6	SSI	Chứng khoán SSI	19000	7,30%	6,54%	-0,76%	(1.368.957)	(26.010.182.717)
7	SHB	SHB	10300	4,80%	4,39%	-0,41%	(1.372.340)	(14.135.098.637)
8	VND	Chứng khoán VNDIRECT	14350	3,70%	3,85%	0,15%	353.608	5.074.278.180
9	VCB	Vietcombank	82800	2,80%	3,57%	0,77%	316.321	26.191.388.260
10	CTG	VietinBank	28500	3,10%	2,86%	-0,24%	(288.420)	(8.219.982.418)
11	SSB	SeABank	33500	2,50%	2,62%	0,12%	117.543	3.937.692.672
12	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	22000	2,10%	2,21%	0,11%	165.232	3.635.093.880
13	LPB	LienViet Post Bank	13500	1,90%	2,13%	0,23%	591.513	7.985.431.259
14	HDB	HDBank	16350	2,30%	2,04%	-0,26%	(533.826)	(8.728.059.120)
15	EIB	Eximbank	27150	0,60%	1,57%	0,97%	1.215.996	33.014.303.308
16	MSB	MSB Bank	12750	2,00%	1,49%	-0,51%	(1.369.649)	(17.463.021.573)
17	VIB	VIBBank	19900	1,10%	1,31%	0,21%	359.340	7.150.857.670
18	VCI	Chứng khoán Bản Việt	25200	1,00%	0,98%	-0,02%	(21.688)	(546.536.536)
19	HCM	Chứng khoán TP.HCM	21750	0,40%	0,52%	0,12%	195.839	4.259.492.478
20	BID	BIDV	40800	0,30%	0,51%	0,21%	178.174	7.269.515.777
21	OCB	Ngân hàng Phương Đông	18000	0,60%	0,40%	-0,20%	(376.826)	(6.782.860.430)
22	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	47700	0,30%	0,18%	-0,12%	(84.024)	(4.007.965.487)

*Người thực hiện: Khiếu Trọng Huy, Trần Xuân Bách*



## **KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG**

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên báo cáo chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo phân tích này như một nguồn thông tin tham khảo. Mọi quan điểm cũng như nhận định phân tích trong báo cáo cũng có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC) có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo. Người đọc cần lưu ý rằng BVSC có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo phân tích này.

Báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BVSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BVSC đều trái luật. Bản quyền thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.